

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tư.

Bà Phạm Thị Châu Hoàng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: ấp C1, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/4/2018).

Bị đơn: Ông Hà Thái C - Sinh năm 1984 - Địa chỉ: ấp C1, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/4/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/02/2018, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: bà T và ông Hà Thái C cưới nhau năm 2010, đăng ký kết hôn ngày 15/10/2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện Đ, tỉnh L. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông C không quan tâm, chăm sóc gia đình và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác mà không khắc phục được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Về hôn nhân: bà T yêu cầu ly hôn với ông Hà Thái C.

Về con chung: bà T và ông C có 02 con chung tên Hà Trần Cẩm T1, sinh ngày 24/6/2011, hiện sống với bà T và Hà Anh T2, sinh ngày 31/01/2016, hiện đang sống với ông C. Bà T yêu cầu bà T trực tiếp nuôi Cẩm T1, để ông C trực tiếp nuôi Anh T2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/4/2018, bà T giữ nguyên các yêu cầu như nội dung đơn khởi kiện.

Theo bản tự khai ngày 26/4/2018, ông Hà Thái C khai phù hợp với lời khai của bà T về điều kiện kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, con chung và tình trạng nuôi con chung hiện nay, không có tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông C cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên gây cãi nhau và đã ly thân từ tháng 3/2018 đến nay.

Về hôn nhân: ông C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: ông C đồng ý để bà T trực tiếp nuôi Cẩm T1, ông C trực tiếp nuôi Anh Thư, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung .

Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/4/2018, ông C giữ nguyên các nội dung trong bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Hà Thái C. Ông C hiện đang cư trú tại huyện Đ, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh L thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: ông C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để tham gia hòa giải vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T và ông C vắng mặt tại phiên tòa nhưng cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà T: mặc dù bà T và ông C khai khác nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng hiện cả hai đều không ai có yêu cầu đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà T và ông C đều giữ nguyên những nội dung đã trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai. Bà T vẫn yêu cầu ly hôn, ông C cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: bà T và ông C thống nhất có 02 con chung và tình trạng nuôi con chung hiện nay. Bà T và ông C cũng thống nhất về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Cụ thể bà T trực tiếp nuôi Cẩm T1, ông C trực tiếp nuôi Anh T2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sự thỏa thuận của bà T và ông C không trái pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông C đều cho rằng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp. Ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Hà Thái C về việc “ly hôn”;

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Hà Thái C.

Về con chung: bà Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Hà Trần Cẩm T1, sinh ngày 24/6/2011, hiện đang sống chung với bà T. Ông Hà Thái C được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Hà Anh T2, sinh ngày 31/01/2016, hiện đang sống với ông C. Bà T và ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông C cho rằng không có tài sản chung, không có nợ chung và không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu số 0008207 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa Bắc (*ghi số hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Bích Liên